

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-ST

Ngày: 27-07-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung và ông Ngô Gia Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2021/TLST - HS ngày 24 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 07 năm 2021 đối với bị cáo:

TRỊNH NGỌC H (tên gọi khác: không); sinh năm 1993 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Xóm 12, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Việt H1 và bà Lê Thị T. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Về lịch sử bản thân: Ngày 01/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện K ra Quyết định số 03/2021/QĐ-TA đưa bị cáo Trịnh Ngọc H vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, bị cáo đang tạm đình chỉ thi hành.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Chị Dương Thị M – sinh năm 1967; trú tại: Xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Vũ Văn Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do là người nghiện ma túy và cần tiền tiêu sài cá nhân nên Trịnh Ngọc H nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản lấy tiền để thỏa mãn các nhu cầu trên. Khoảng 12 giờ ngày 16/3/2021, H đi bộ từ nhà đến khu vực xóm 7B, xã K, huyện K. Tại

đây, H quan sát thấy nhà chị Dương Thị M, sinh năm 1967 công đang mở nên Hiệp đi vào trong sân. Do không thấy có người nên H đi vào trong nhà và phát hiện trên giường ngủ kê ở gian buồng hướng Đông của nhà chị M có một túi sách phụ nữ, H tiến đến cầm túi sách lên thấy ở bên trong có 01 điện thoại di động OPPO- A3S màu đỏ và 01 ví da màu xanh H lấy ví da và điện thoại cầm trên tay phải rồi đi ra ngoài đến khu vực Nhà văn hóa xóm 7B, xã K, huyện K. H mở ví ra thì thấy bên trong ví có số tiền 2.750.000đ, H lấy số tiền trên bỏ vào túi quần rồi vứt ví da vào sân Nhà văn hóa xóm. H đã tiêu sài cá nhân hết 1.005.000đ, số tiền còn lại và chiếc điện thoại OPPO -A3s màu đỏ H mang về nhà cất giữ. Sau khi bị mất tài sản, đến ngày 18/3/2021 chị Dương Thị M đến Công an xã K để trình báo sự việc và giao nộp 01 ví da màu xanh do chị M tìm thấy ở khu vực nhà văn hóa. Quá trình triệu tập để làm việc, H đã giao nộp số tiền 1.750.000đ và 01 điện thoại OPPO –A3s màu đỏ cho Cơ quan công an.

Bản Kết luận định giá tài sản số 17/HĐĐG ngày 29/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong TTTHS huyện K kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO –A3s có giá trị là 2.417.000đ, 01 ví da cầm tay của nữ giới có giá 57.000đ, tổng cộng giá trị tài sản 2.474.000đ.

Như vậy tổng giá trị tài sản mà Trịnh Ngọc H đã trộm cắp của chị Mai là 5.224.000đ.

Quá trình điều tra, Trịnh Ngọc H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình

Cáo trạng số 59/CT – VKS ngày 23 tháng 06 năm 2021 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trịnh Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo là ngày 12 tháng 04 năm 2021.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 16/3/2021, tại nhà của chị Dương Thị M ở xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản của chủ

sở hữu, Trịnh Ngọc H đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc ví da bên trong có số tiền 2.750.000đ và 01 điện thoại di động OPPO –A3s của chị Dương Thị M với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.224.000đ.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Trịnh Ngọc H đã có hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội Trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... ”

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ mình trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

- Bị cáo Trịnh Ngọc H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả là chủ động trả lại số tiền điện thoại cho bị hại. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng tuy nhiên lại diễn ra ngay khu dân cư đông đúc nơi mình sinh sống, thời điểm trộm cắp là ban ngày điều đó thể hiện thái độ bị cáo liều lĩnh coi thường pháp luật. Mặt khác bị cáo là người nghiện ma túy đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cai nghiện bắt buộc nhưng bị cáo phải tạm đình chỉ việc cai nghiện bắt buộc, Do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc là áp dụng mức hình phạt là tù có thời hạn đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo để bị cáo có thời gian nhận thức được hậu quả hành vi phạm tội của mình đồng thời có tác dụng giáo dục đấu tranh phòng

ngừa chung. Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cũng cần cân nhắc đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Trịnh Ngọc H đã trả lại số tiền 1.005.000đ cho chị M, chị M đã nhận lại và không có yêu cầu gì thêm, do đó vấn đề dân sự đã giải quyết xong. Do vậy về vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại số tiền 1.745.000đ, 01 ví da màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO –A3s cho chị M nên. Do vậy Hội đồng không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc H phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam bị cáo là ngày 12 tháng 04 năm 2021.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trịnh Ngọc H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/07/2021), bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Công an huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Bị cáo.
- Bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Khanh